

Số: ...248..../TB-CVA

Quận 1, ngày 19 tháng 09 năm 2023

BẢNG DỰ TRÙ THU PHÍ
Về các khoản thu năm học 2023 – 2024

Căn cứ nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành Phố.

Trường Trung học cơ sở Chu Văn An – Quận 1 thực hiện bảng dự trù thu học phí cho năm học 2023-2024 như sau:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU THEO QUY ĐỊNH NQ04/2023		MỨC THU CỦA TRƯỜNG	GHI CHÚ
			Theo Phụ lục	Quy định mức thu		
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	đồng/học sinh/tháng	1	200.000	175.000 (tăng 15%)	
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	đồng/học sinh/tháng	2	120.000	120.000	các lớp đăng ký học TATC
3	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ	đồng/học sinh/tháng/môn	4.1	100.000	100.000	học sinh có ĐK tham gia các CLB
4	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	4.2	80.000	80.000	Các lớp có đăng ký
5	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	đồng/học sinh/tháng	4.3	180.000	180.000	Các lớp đăng ký học

6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/học sinh/tháng	4.5	260.000	260.000	Các lớp có đăng ký học
7	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học	đồng/học sinh/tháng	3.2	100.000	80.000	Các lớp có đăng ký học
8	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"	đồng/học sinh/tháng	9	180.000	130.000	Các lớp có đăng ký học
9	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	12	300.000	300.000	Các lớp có bán trú
10	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	14	150.000	150.000	Các lớp có bán trú
11	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	19	35.000	35.000	Các lớp có bán trú
12	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	18.1	50.000	45.000 (tăng 12.5%)	
13	Tiền nước uống (ionlife)	đồng/học sinh/tháng	21	20.000	20.000	
14	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	22	50.000	35.000	
15	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	đồng/học sinh/tháng	23	35.000	35.000 (Giảm so với 2022-2023)	

Các lớp
có đăng
học

16	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	24	110.000	20.000 (Triển khai 2023-2024)	Các học sinh không đăng ký tin nhắn điện tử
					20.000 (Triển khai 2023-2024)	Các học sinh có đăng ký tin nhắn điện tử
					40.000 (Tin nhắn SFlink, như 2022-2023)	
CÁC KHOẢN THU KHÁC						
1	Bảo hiểm y tế (bắt buộc)	đồng/học sinh/năm		680.400		
2	Bảo hiểm tai nạn	đồng/học sinh/năm	năm	30.000		Theo nguyện vọng của phụ huynh

HIỆU TRƯỞNG

Thận Thị Tuyết Nhung